

Bản án số: 68/2019/HSST
Ngày 20/5/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Văn Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Hịa;
2. Ông Quàng Văn Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Dần – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2019/TLST-HS ngày 19/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HS ngày 06/5/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Quàng Văn C, tên gọi khác: Không, sinh năm 1993, tại Điện Biên.

Trú tại: Đội A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT: Đội A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quàng Văn T, sinh năm 1968 và bà: Quàng Thị H, sinh năm 1968; vợ: Lù Thị L, sinh năm 1996; con: Bị cáo có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử lý hành chính; bị cáo tại ngoại "có mặt".

- Người bị hại:

Chị Quàng Thị M, sinh năm 1987."có mặt".

Trú tại: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên."có mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Bùi Văn T, sinh năm 1987;"có mặt".

Trú tại: Đội B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ Anh Trần Văn L, sinh năm 1990;"vắng mặt".

Trú tại: Đội C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Quàng Thị H, sinh năm 1968;"có mặt".

Trú tại: Đội A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ Anh Tòng Văn T, sinh năm 1998;"vắng mặt".

Đều trú tại: Đội D, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 14/12/2018, Quàng Thị M cùng chồng là Lò Văn P từ nhà ở bản H, phường H, thành phố Đ đi xe mô tô BKS 27U1-021.57 xuống nhà mẹ đẻ là Quàng Thị H ở đội A, xã T, huyện Đ có việc, sau đó ăn cơm và nghỉ ngơi. Lợi dụng sơ hở vì chị M vẫn để chìa khóa cắm ở xe, bị cáo đã lấy trộm xe mô tô BKS 27U1 021.57, có giá trị 3.200.000đ của chị M. Bị cáo mang xe đi tháo bình ắc quy cầm đồ ở hiệu nhà anh Bùi Văn T lấy 40.000đ để đi mua xăng. Sau đó bị cáo mang xe đi đến quán sửa xe của anh Trần Văn L ở đội B, xã T, huyện Đ nói dối là xe của bị cáo và bán xe cho anh L với giá tiền là 3.700.000đ, L trả trước cho bị cáo 1.300.000đ. Khoảng 10 giờ ngày 15/12/2018 bị cáo đến quán L để lấy nốt số tiền còn lại, nhưng L chỉ trả cho bị cáo 1.700.000đ và bảo bị cáo cầm chứng minh nhân dân ra để làm đăng ký thì sẽ trả nốt tiền. Khoảng 15 giờ ngày 16/12/2018 bị cáo mang chứng minh nhân dân ra thì L trả cho bị cáo 100.000đ, còn lại 600.000đ L hẹn khi nào làm xong đăng ký xe sẽ trả nốt. Lúc này hai người mới viết giấy bán xe. Tất cả số tiền bán xe là 3.100.000đ bị cáo đã tiêu xài hết. (T và L không biết bị cáo lấy trộm tài sản của người khác) L yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, T không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Qua các bản kết luận định giá tài sản số 68, 70 ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng định giá tài sản huyện Đ đã kết luận: 01 chiếc xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS trị giá 3.000.000đ; 01 bình ắc quy nhãn hiệu HABACO, loại 12V trị giá 200.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản do bị cáo trộm cắp là 3.200.000đ(ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 49/CT-VKSĐB ngày 19/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Quàng Văn C về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng

khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51/BLHS; khoản 1 Điều 54/BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Quảng Văn C từ 04 đến 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải bồi thường 3.100.000đ cho Trần Văn L; bị cáo không phải bồi thường cho Bùi Văn T 40.000đ. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST.

Người bị hại đã có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu HĐXX giải quyết về phần bồi thường thiệt hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tôi biết hành vi của tôi là vi phạm pháp luật, tôi nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản, nên đã lấy tài sản để đem bán lấy tiền chi tiêu cho mục đích cá nhân. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã hoàn thành. Với giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.200.000 đồng thì hành vi của bị cáo đã phạm vào tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

Xét thấy hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Nên cần được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo HĐXX thấy rằng: Do không có ý thức rèn luyện bản thân bị cáo nghiện ma túy, để có tiền phục vụ cho nhu cầu bản thân, nên bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản. Chính vì thế cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe tội phạm nói chung trên địa bàn huyện Đ.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã khai báo thành khẩn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. HĐXX sẽ xem xét để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51/BLHS.

Để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có thời gian cai nghiện ma túy và suy nghĩ lại lỗi lầm của bản thân.

[4]. Ngoài hình phạt chính là phạt tù thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS là phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Nhưng xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có khả năng thi hành. Cho nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo và bị hại là người nhà(hai chị em ruột), chiếc xe đã được trả lại cho bị hại và bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại. Hội đồng xét xử chấp nhận việc người bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường.

Đối với Bùi Văn T là người đã cho bị cáo cầm đồ bình ắc quy xe mô tô với giá tiền 40.000đ, do T không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên không đề cập xử lý và T cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền thiệt hại là 40.000đ, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với Trần Văn L là người đã mua xe mô tô của bị cáo mang bán với giá tiền là 3.100.000đ, nhưng không biết đó là tài sản trộm cắp nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên không đặt vấn đề xử lý. Anh L yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh L số tiền đã mua xe là 3.100.000đ, nên bị cáo phải bồi thường thiệt hại trên cho anh L.

[6]. Vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô BKS 27U1- 021.57 cùng với bình ắc quy, giấy đăng ký xe mô tô, chìa khóa xe là của bị hại Quảng Thị M, nên CQĐT đã trả cho chị M ngày 12/01/2019, HĐXX chấp nhận.

[7]. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Quảng Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173/BLHS; điểm i, điểm s khoản 1, 2 Điều 51/BLHS; khoản 1 Điều 54/BLHS xử phạt bị cáo Quảng Văn C 05 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 589/BLDS:

- Chấp nhận việc bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại, HĐXX không xem xét giải quyết.

- Chấp nhận biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/01/2019 của CQCSĐT Công an huyện Điện Biên.

- Buộc bị cáo Quảng Văn C phải trả cho anh Trần Văn L, sinh năm 1990, trú tại: Đội B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng).

- Áp dụng các Điều 357, 468/BLDS bị cáo phải chịu lãi xuất chậm thi hành đối với số tiền chậm trả.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính.

Căn cứ điều 26 Luật thi hành án dân sự: "Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND H. Điện Biên;
- Công an H. Điện Biên;
- Phòng HSNV CA T.Điện Biên;
- Sở Tư pháp T.Điện Biên;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương.

